TƯ DUY MỚI VÀ MÔ HÌNH LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TOÀN DIỆN TRONG KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

VÕ KHÁNH VINH(*)

Phân loại ngành: Triết học-Chính trị học-Xã hội học và Luật học

Tóm tắt: Phát triển con người Việt Nam toàn diện là vấn đề có ý nghĩa nền tảng, trung tâm và xuyên suốt đối với sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Trên cơ sở tiếp cận con người như một chỉnh thể tự nhiên - xã hội, cá nhân - cộng đồng, vật chất - tinh thần; kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, các quy định của Hiến pháp và tiếp thu có chọn lọc lý thuyết phát triển con người, tiếp cận năng lực, quyền con người, an ninh con người, bài viết làm rõ quan niệm, bản chất, đặc trưng, vị trí, vai trò và các mối quan hệ cốt lõi của phát triển con người Việt Nam toàn diện. Bài viết đề xuất những chuyển đổi cơ bản về tư duy phát triển con người, từ chăm lo, hỗ trợ sang phát triển và phát huy con người; từ coi con người chủ yếu là nguồn nhân lực sang coi con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, nguồn lực, động lực và chủ thể định hướng phát triển; từ các chính sách đơn lẻ sang xây dựng hệ sinh thái phát triển con người. Trên cơ sở đó, bài viết xây dựng mô hình lý luận phát triển con người Việt Nam toàn diện gồm triết lý, mục tiêu, hệ giá trị, hình mẫu con người, nội dung phát triển, ba trụ cột, các nguyên tắc, chủ thể, hệ sinh thái, cơ chế vận hành, điều kiện bảo đảm và khung tiêu chí đánh giá. Mô hình là cơ sở lý luận để xây dựng Chiến lược phát triển con người Việt Nam toàn diện trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Từ khóa: *An ninh con người; Con người Việt Nam; Kỷ nguyên vươn mình; Mô hình phát triển con người; Phát triển con người toàn diện; Quyền con người.*

NEW THINKING AND THEORETICAL MODEL FOR THE COMPREHENSIVE VIETNAMESE HUMAN DEVELOPMENT IN THE ERA OF NATION'S RISE

Abstract: The comprehensive Vietnamese human development is an issue of fundamental, central and pervasive significance for the country's development in the new era. On the basis of approaching people as a natural whole - social, individual - community, material - spiritual whole; inheriting the views of Marxism-Leninism, Ho Chi Minh Thought, the Party's viewpoint, the provisions of the Constitution and selectively absorbing the theory of human development, access to human capacity, human rights, and human security, the article clarifies the concept, nature, characteristics, etc position, role and core relationships of comprehensive Vietnamese human development. The article proposes basic transformations in human development thinking, from caring and supporting to developing and promoting people; from considering people as mainly human resources to considering people as the center, subject, goal, resource, motivation and development-oriented subject; from single policies to building an ecosystem of human development. On that basis, the article builds a comprehensive theoretical model of Vietnamese human development including philosophy, objectives, value system, human model, development content, three pillars, principles, subjects, ecosystem, operating mechanism, guarantee conditions and evaluation criteria. The

(*) GS.TS.;Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

model is the theoretical basis for building a comprehensive Vietnamese human development strategy in the era of nation's rise.

Keywords: *Comprehensive human development; Human development model; Human rights; Human security; The era of nation's rise; Vietnamese people.*

Ngày nhận bài: 23/6/2026; Ngày gửi phản biện: 25/6/2026; Ngày sửa chữa: 03/8/2026; Ngày duyệt đăng bài: 11/8/2026.

1. Đặt vấn đề

Con người vừa là sản phẩm của lịch sử, văn hóa và các quan hệ xã hội, vừa là chủ thể sáng tạo nên lịch sử, kiến tạo các thiết chế xã hội và cải biến thế giới. Quan niệm của C. Mác về bản chất con người như tổng hòa những quan hệ xã hội cho thấy con người chỉ có thể được nhận thức đầy đủ trong sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng và trong các điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995, tập 3). Mục tiêu nhân văn sâu xa của phát triển xã hội là tạo lập những điều kiện để sự phát triển tự do của mỗi người trở thành điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995, tập 4). Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người vừa là mục tiêu cao nhất, vừa là lực lượng quyết định của sự nghiệp cách mạng; chăm lo, bồi dưỡng và phát huy con người là "công việc đối với con người", phải được đặt ở vị trí hàng đầu trong xây dựng đất nước (Hồ Chí Minh, 2011).

Từ năm 1990, cách tiếp cận phát triển con người (PTCN) của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đã góp phần tạo ra một sự chuyển đổi quan trọng trong nhận thức về phát triển: phát triển không thể chỉ được đo bằng tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội hoặc sự gia tăng thu nhập, mà trước hết phải được đánh giá bằng việc mở rộng những lựa chọn, tự do và năng lực thực chất của con người (UNDP, 1990). Amartya Sen tiếp tục phát triển cách tiếp cận này khi xem sự mở rộng các tự do thực chất vừa là mục tiêu cơ bản, vừa là phương tiện chủ yếu của phát triển (Amartya Sen, 1999). Martha C. Nussbaum nhấn mạnh yêu cầu tạo lập những năng lực trung tâm để mỗi người có thể sống một cuộc đời phù hợp với phẩm giá con người (Martha C. Nussbaum, 2011).

Ở Việt Nam, PTCN được đặt trong mối quan hệ thống nhất với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy nền văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam. Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2025, xác lập nền tảng hiến định về công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bình đẳng trước pháp luật; trách nhiệm của cá nhân đối với Nhà nước, xã hội và quyền của người khác (Quốc hội, 2013, các điều 3, 14, 15, 16, 19-21, 26 và 28). Đó là cơ sở pháp lý nền tảng để PTCN không chỉ được nhìn nhận như một mục tiêu chính sách mà còn là quá trình hiện thực hóa phẩm giá, quyền, tự do, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi người.

Đại hội XIV của Đảng tiếp tục đặt phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Việt Nam vào vị trí trọng yếu trong chiến lược phát triển đất nước; xác định yêu cầu PTCN toàn diện về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng số (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026)[1]. Điều đó đòi hỏi phải tiếp tục phát triển lý luận về con người Việt Nam, chuyển hóa các quan điểm thành một mô hình lý luận có khả năng định hướng cho việc xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực và cơ chế tổ chức thực hiện Chiến lược PTCN Việt Nam toàn diện.

Bài viết sử dụng các phương pháp phân tích - tổng hợp, hệ thống - cấu trúc, lịch sử - lôgic, phân tích chính sách, tiếp cận liên ngành và so sánh nhằm làm rõ hai vấn đề: thứ nhất,

[1] Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, mục V: "Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Việt Nam".

cơ sở lý luận và tư duy mới về PTCN Việt Nam toàn diện; thứ hai, cấu trúc của mô hình lý luận PTCN Việt Nam toàn diện trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Cơ sở lý luận và tư duy mới về phát triển con người Việt Nam toàn diện trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

2.1. Quan niệm, bản chất và đặc trưng của phát triển con người Việt Nam toàn diện

2.1.1. Quan niệm về con người

Con người là một chỉnh thể thống nhất giữa phương diện tự nhiên và xã hội, cá nhân và cộng đồng, vật chất và tinh thần, hiện thực và tiềm năng. Chỉnh thể đó bao gồm các giá trị, phẩm chất, năng lực, nhu cầu, lợi ích, quyền, tự do, nghĩa vụ, trách nhiệm và mạng lưới các quan hệ xã hội của mỗi người.

Con người không tồn tại như một cá thể biệt lập. Mỗi người được sinh thành, nuôi dưỡng, giáo dục, xã hội hóa, phát triển và tự khẳng định trong quan hệ với gia đình, nhà trường, cộng đồng, dân tộc, Nhà nước, thị trường, xã hội, tự nhiên và nhân loại. Con người đồng thời tồn tại và phát triển trong nhiều không gian: không gian gia đình, nghề nghiệp, chính trị, pháp lý, văn hóa, tự nhiên và ngày càng rõ nét là không gian số.

Vì vậy, nghiên cứu PTCN phải vượt ra ngoài giới hạn của cách tiếp cận sinh học, kinh tế hoặc nguồn nhân lực đơn thuần. Con người cần được nhìn nhận đồng thời với tư cách là một cá nhân có phẩm giá, quyền và năng lực tự chủ; một thành viên có trách nhiệm của gia đình và cộng đồng; một công dân của Nhà nước; một chủ thể kinh tế, văn hóa, xã hội; và một thành viên của cộng đồng nhân loại.

2.1.2. Quan niệm về phát triển con người

PTCN là quá trình mở rộng và nâng cao các giá trị, phẩm chất, năng lực, quyền, tự do thực chất, cơ hội và khả năng lựa chọn của con người; đồng thời cải thiện mức độ an toàn, chất lượng sống, hạnh phúc, khả năng tham gia, làm chủ và cống hiến của mỗi người.

PTCN bao gồm nhưng không đồng nhất với nâng cao thu nhập, học vấn, sức khỏe hoặc kỹ năng lao động. Thu nhập, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và việc làm là những điều kiện và phương tiện thiết yếu; kết quả cuối cùng phải là sự phát triển thực chất của con người, thể hiện ở khả năng sống lâu, khỏe mạnh, có tri thức, có phẩm giá, được tự do lựa chọn, được tham gia đời sống xã hội và có năng lực theo đuổi một cuộc sống mà mình có lý do để trân trọng.

Quan niệm này đặt ra yêu cầu kết hợp giữa hai phương diện. Một mặt, phải phát triển những thuộc tính bên trong của con người như đạo đức, trí tuệ, thể chất, năng lực sáng tạo, ý chí, bản lĩnh và kỹ năng. Mặt khác, phải kiến tạo các điều kiện bên ngoài như thể chế, quyền, cơ hội, dịch vụ xã hội, môi trường văn hóa, môi trường tự nhiên và hạ tầng công nghệ để những tiềm năng đó có thể được hiện thực hóa.

2.1.3. Quan niệm về phát triển con người Việt Nam toàn diện

PTCN Việt Nam toàn diện là quá trình phát triển và phát huy đồng bộ giá trị, phẩm chất, trí tuệ, sức khỏe, văn hóa, kỹ năng, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, quyền, tự do, sự an toàn và khả năng cống hiến của mỗi người Việt Nam; đồng thời kiến tạo các điều kiện để mọi người có thể làm chủ bản thân, tham gia làm chủ xã hội, làm chủ khoa học - công nghệ và đóng góp vào sự phát triển của gia đình, cộng đồng, đất nước và nhân loại.

Khái niệm này bao hàm ba quá trình có quan hệ hữu cơ. Thứ nhất, *PTCN*, tức là hình thành, nâng cao các giá trị, phẩm chất và năng lực. Thứ hai, *bảo vệ con người*, tức là bảo vệ phẩm giá, quyền, lợi ích hợp pháp, sức khỏe, sự an toàn và khả năng chống chịu trước các rủi ro. Thứ ba, *phát huy con người*, tức là tạo cơ hội, động lực và môi trường để tiềm năng, tài năng, sức sáng tạo và tinh thần cống hiến được chuyển hóa thành hành động và giá trị xã hội.

Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng dân số, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, việc làm và thực hiện chính sách xã hội đều là những bộ phận quan trọng của PTCN. Tuy nhiên, mỗi lĩnh vực chỉ phản ánh một phương diện và không thể thay thế cho PTCN trong tính chỉnh thể. Phát triển nguồn nhân lực tập trung nhiều hơn vào năng lực tham gia

hoạt động kinh tế và lao động; còn PTCN toàn diện bao quát cả phẩm giá, quyền, đạo đức, văn hóa, đời sống tinh thần, quan hệ xã hội, sự an toàn và hạnh phúc.

2.1.4. Bản chất của phát triển con người

Bản chất của PTCN Việt Nam toàn diện được biểu hiện trên sáu phương diện chủ yếu.

Thứ nhất, đó là quá trình phát triển và hoàn thiện con người trong tính chỉnh thể, bảo đảm sự thống nhất tương đối hài hòa giữa đạo đức, trí tuệ, thể chất, văn hóa, tinh thần, kỹ năng và năng lực xã hội.

Thứ hai, đó là quá trình mở rộng quyền, tự do thực chất, năng lực, cơ hội và khả năng lựa chọn; chuyển các quyền được ghi nhận thành những khả năng hiện thực mà mỗi người có thể tiếp cận và sử dụng.

Thứ ba, đó là quá trình phát hiện, giải phóng và phát huy tiềm năng, tài năng, sáng kiến và sức sáng tạo của mỗi cá nhân, qua đó chuyển hóa nguồn lực con người thành sức mạnh phát triển của quốc gia.

Thứ tư, đó là quá trình nâng cao phẩm giá, chất lượng sống, sự an toàn và hạnh phúc của con người. Phẩm giá con người là điểm xuất phát, giới hạn và chuẩn mực của mọi chính sách phát triển. Tuyên ngôn thế giới về quyền con người xác lập nguyên tắc mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và quyền (United Nations, 1948).

Thứ năm, đó là quá trình tạo điều kiện để con người tham gia, làm chủ và cống hiến. Con người không chỉ là người thụ hưởng kết quả phát triển mà phải có khả năng tham gia xác định mục tiêu, giám sát, đánh giá và đồng kiến tạo quá trình phát triển.

Thứ sáu, đó là quá trình phát triển công bằng, bao trùm và bền vững trong suốt vòng đời, bảo đảm các nhóm xã hội khác nhau, nhất là trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người có hoàn cảnh khó khăn và các nhóm dễ bị tổn thương, đều có cơ hội phát triển phù hợp.

2.1.5. Đặc trưng của phát triển con người Việt Nam toàn diện

PTCN Việt Nam toàn diện có các đặc trưng cơ bản sau đây:

Một là, lấy con người làm trung tâm, chủ thể và mục tiêu cao nhất của phát triển. Mọi thiết chế, chính sách và nguồn lực phải được đánh giá trên cơ sở tác động thực chất đối với con người.

Hai là, kết hợp phát triển cá nhân với phát triển gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước. Tôn trọng tự do cá nhân không tách rời trách nhiệm xã hội; phát huy lợi ích cộng đồng không được phủ nhận phẩm giá, quyền và sự khác biệt chính đáng của mỗi người.

Ba là, kết hợp phát triển giá trị, phẩm chất với phát triển năng lực. Năng lực thiếu nền tảng giá trị có thể bị sử dụng sai lệch; giá trị không được chuyển hóa thành năng lực và hành động khó có thể tạo ra hiệu quả phát triển.

Bốn là, kết hợp quyền và lợi ích với nghĩa vụ và trách nhiệm. Quyền con người vừa là điều kiện giải phóng năng lực cá nhân, vừa đòi hỏi mỗi người tôn trọng quyền của người khác, lợi ích quốc gia - dân tộc và lợi ích chính đáng của cộng đồng.

Năm là, kết hợp các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc với các giá trị hiện đại, tiến bộ và phổ quát của nhân loại; củng cố bản sắc Việt Nam đồng thời phát triển năng lực hội nhập, đối thoại, hợp tác và cạnh tranh quốc tế.

Sáu là, kết hợp phát triển trong môi trường thực với phát triển trong môi trường số. Không gian số đã trở thành một môi trường xã hội mới, nơi con người học tập, lao động, giao tiếp, sáng tạo, thực hiện quyền và đối diện với những rủi ro mới.

Bảy là, bảo đảm tính toàn diện, bao trùm, thích ứng và bền vững; quan tâm không chỉ đến kết quả tại một thời điểm mà cả khả năng duy trì, tái tạo và trao truyền các thành quả phát triển cho các thế hệ tương lai.

2.2. Vị trí và vai trò của con người trong phát triển đất nước

Con người giữ vị trí trung tâm và thực hiện nhiều vai trò có quan hệ thống nhất trong toàn bộ quá trình phát triển đất nước. Không nên tách rời hoặc tuyệt đối hóa một vai trò

riêng lẻ, bởi con người đồng thời là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, nguồn lực, động lực và chủ thể định hướng, điều tiết phát triển.

2.2.1. Con người là trung tâm của phát triển

Lấy con người làm trung tâm đòi hỏi mọi chủ trương, chính sách, thể chế, chương trình và dự án phát triển phải xuất phát từ nhu cầu, quyền, lợi ích chính đáng và sự phát triển thực chất của con người. Tính hiệu quả của một chính sách không chỉ được đánh giá bằng số lượng nguồn lực đã sử dụng hoặc tốc độ tăng trưởng tạo ra, mà trước hết bằng mức độ chính sách đó cải thiện cuộc sống, mở rộng cơ hội, nâng cao năng lực và bảo vệ phẩm giá con người.

Đặt con người ở trung tâm còn đòi hỏi thực hiện đánh giá tác động đối với các nhóm dân cư khác nhau, nhất là những nhóm dễ bị tổn thương; không để chi phí và rủi ro của quá trình phát triển bị chuyển một cách bất hợp lý sang người nghèo, người yếu thế hoặc các thế hệ tương lai.

2.2.2. Con người là chủ thể của phát triển

Con người trực tiếp kiến tạo, tổ chức, vận hành, giám sát, điều chỉnh và làm chủ quá trình phát triển. Nhân dân không chỉ là đối tượng tiếp nhận chính sách mà còn là chủ thể tham gia xây dựng thể chế, phản biện chính sách, giám sát quyền lực và đánh giá chất lượng dịch vụ công.

Vai trò chủ thể được thể hiện từ cấp độ cá nhân đến cộng đồng và quốc gia: mỗi người chủ động học tập, lao động và sáng tạo; cộng đồng cùng giải quyết các vấn đề chung; Nhân dân thực hiện quyền làm chủ; đội ngũ cán bộ, trí thức, doanh nhân, nhà khoa học và người lao động tổ chức, kết nối và chuyển hóa các nguồn lực thành thành quả phát triển.

2.2.3. Con người là mục tiêu cao nhất của phát triển

Tăng trưởng kinh tế, hiện đại hóa, chuyển đổi số, phát triển đô thị hoặc mở rộng thị trường không phải là mục đích tự thân. Thành quả cuối cùng của phát triển phải được thể hiện ở sự phát triển tự do, toàn diện, an toàn và hạnh phúc của mỗi người; ở khả năng mọi người được sống có phẩm giá, có cơ hội phát triển, có khả năng lựa chọn và tham gia vào đời sống xã hội.

Đại hội XIV xác định mục tiêu phát triển nhanh, bền vững phải gắn với cải thiện, nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân và hướng tới một nước Việt Nam phồn vinh, văn minh, hạnh phúc (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026)[2]. Điều đó khẳng định con người không chỉ là phương tiện thực hiện mục tiêu kinh tế mà là thước đo căn bản của chất lượng phát triển.

2.2.4. Con người là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất

Tri thức, đạo đức, sức khỏe, kỹ năng, văn hóa, kinh nghiệm, tài năng, ý chí và năng lực sáng tạo của con người hợp thành nguồn lực nội sinh có khả năng tái tạo và gia tăng thông qua giáo dục, lao động, nghiên cứu, thực hành xã hội và đổi mới sáng tạo.

Con người không chỉ là một nguồn lực tồn tại bên cạnh vốn, tài nguyên, khoa học - công nghệ và thể chế. Con người là chủ thể tạo lập thể chế, sáng tạo công nghệ, tổ chức sản xuất, huy động vốn, sử dụng tài nguyên và kết nối các nguồn lực. Chất lượng con người vì thế quyết định hiệu quả khai thác, sử dụng và nâng cao giá trị của mọi nguồn lực khác.

2.2.5. Con người là động lực của phát triển

Khát vọng, ý chí, niềm tin, tinh thần trách nhiệm, động cơ lao động, năng lực đổi mới sáng tạo và ý thức vươn lên của con người tạo thành động lực trực tiếp của phát triển. Một xã hội có thể sở hữu nguồn lực vật chất lớn nhưng khó phát triển bền vững nếu thiếu niềm tin xã hội, tinh thần hợp tác, văn hóa trách nhiệm và động lực sáng tạo.

Động lực con người được hình thành từ sự thống nhất giữa động lực tinh thần và động lực lợi ích; giữa khát vọng cá nhân và lý tưởng cộng đồng; giữa ghi nhận, tôn vinh với cơ hội

[2] Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, phần quan điểm và mục tiêu phát triển đất nước.

phát triển; giữa tự do sáng tạo với trách nhiệm xã hội. Vì vậy, chính sách PTCN phải vừa khơi dậy khát vọng, vừa bảo đảm các điều kiện để khát vọng được hiện thực hóa.

2.2.6. Con người là chủ thể định hướng và điều tiết phát triển

Giá trị, đạo đức, văn hóa, ý thức pháp luật và trách nhiệm xã hội của con người định hướng việc sử dụng quyền lực, nguồn lực, thị trường và công nghệ. Khoa học - công nghệ có thể mở rộng khả năng của con người nhưng cũng có thể làm gia tăng bất bình đẳng, xâm phạm đời tư hoặc tạo ra những rủi ro mới nếu thiếu cơ chế kiểm soát và nền tảng đạo đức.

Do đó, con người phải giữ quyền quyết định cuối cùng đối với phương hướng phát triển; công nghệ, thị trường và bộ máy quản lý phải phục vụ con người, chịu sự điều chỉnh của pháp luật, đạo đức và các giá trị nhân văn. Vai trò điều tiết này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học và các công nghệ có khả năng tác động sâu sắc đến quyền, tự do và bản chất hoạt động của con người.

2.3. Tư duy mới, nhận thức mới về phát triển con người Việt Nam

PTCN Việt Nam trong kỷ nguyên mới đòi hỏi những chuyển đổi căn bản về tư duy. Những chuyển đổi này không phủ nhận các thành tựu và chính sách hiện có, mà mở rộng cách tiếp cận từ chăm lo, bảo đảm những điều kiện tối thiểu sang kiến tạo năng lực, cơ hội và môi trường phát triển toàn diện. Đó là các tư duy mới, nhận thức mới cơ bản sau đây.

2.3.1. Từ chăm lo cho con người sang phát triển và phát huy con người

Chăm lo đời sống, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh và hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương vẫn là trách nhiệm thiết yếu của Nhà nước và xã hội. Tuy nhiên, chính sách không thể dừng lại ở sự hỗ trợ thụ động hoặc bù đắp thiếu hụt, mà phải chủ động phát hiện, bồi dưỡng, giải phóng và phát huy tiềm năng, tài năng, sáng kiến, sức sáng tạo và khát vọng của mỗi người.

Nghị quyết số 42-NQ/TW về chính sách xã hội thể hiện bước phát triển từ chính sách bảo đảm và trợ giúp sang quản lý phát triển xã hội bền vững, lấy con người làm trung tâm, bảo đảm tiến bộ, công bằng và nâng cao chất lượng cuộc sống (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 24/11/2023).

Tư duy phát triển và phát huy con người đòi hỏi chính sách xã hội phải tạo năng lực tự chủ, khả năng tham gia và cơ hội dịch chuyển xã hội, chứ không làm suy giảm động lực tự phát triển.

2.3.2. Từ coi con người chủ yếu là nguồn nhân lực sang coi con người là một chỉnh thể toàn diện

Cách tiếp cận nguồn nhân lực có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế, nhưng dễ thu hẹp con người thành yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất. Con người không chỉ là người lao động hoặc người sở hữu kỹ năng, mà còn là chủ thể có phẩm giá, quyền, đời sống tinh thần, quan hệ xã hội và những khát vọng vượt ra ngoài hoạt động kinh tế.

Vì vậy, con người phải được nhìn nhận đồng thời là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, nguồn lực, động lực và chủ thể định hướng quá trình phát triển. Phát triển năng lực lao động phải thống nhất với phát triển đạo đức, văn hóa, ý thức công dân, sức khỏe, năng lực tự chủ và khả năng sống một cuộc đời có ý nghĩa.

2.3.3. Từ phát triển từng mặt sang phát triển toàn diện và hài hòa

Các chính sách giáo dục, y tế, văn hóa, việc làm, an sinh và khoa học - công nghệ thường được tổ chức theo ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, con người là một chỉnh thể nên kết quả của mỗi chính sách phụ thuộc vào sự liên kết với các chính sách khác.

Phát triển toàn diện đòi hỏi sự thống nhất giữa đạo đức và tài năng, trí tuệ và thể chất, đời sống vật chất và tinh thần, quyền và trách nhiệm, năng lực nghề nghiệp và năng lực xã hội, bản sắc dân tộc và năng lực hội nhập. Toàn diện không có nghĩa là mỗi người phải đạt mức độ như nhau ở mọi phương diện, mà là các phương diện căn bản không bị bỏ quên và được phát triển phù hợp với đặc điểm, nhu cầu, năng lực, giai đoạn của vòng đời.

2.3.4. Từ khắc phục thiếu hụt sang mở rộng năng lực, cơ hội và khả năng lựa chọn

Khắc phục nghèo đói, bệnh tật, thất học, bất bình đẳng và các thiếu hụt dịch vụ cơ bản là yêu cầu cấp thiết. Tuy nhiên, PTCN phải tiến xa hơn việc đưa con người vượt qua một ngưỡng tối thiểu. Chính sách cần tạo điều kiện để mỗi người có khả năng lựa chọn con đường học tập, nghề nghiệp, sáng tạo và phát triển phù hợp; được tiếp cận các nguồn lực và cơ hội cần thiết để phát huy sở trường và vươn tới những giá trị cao hơn.

Sự chuyển đổi này đòi hỏi phân biệt giữa cơ hội được ghi nhận về mặt hình thức với cơ hội thực chất. Hai người có cùng một quyền pháp lý nhưng khả năng sử dụng quyền có thể rất khác nhau do điều kiện kinh tế, sức khỏe, giới tính, địa bàn cư trú, khả năng tiếp cận thông tin hoặc năng lực số.

2.3.5. Từ con người thụ hưởng sang con người làm chủ, sáng tạo và cống hiến

Con người phải được Nhà nước và xã hội bảo đảm những điều kiện cơ bản để phát triển, nhưng đồng thời phải chủ động học tập, rèn luyện, lao động, đổi mới, tự chịu trách nhiệm và đóng góp cho cộng đồng. PTCN không thể được thực hiện chỉ bằng các chương trình từ bên ngoài nếu bản thân mỗi người thiếu động lực tự phát triển.

Tư duy này xác lập mối quan hệ hai chiều: Nhà nước, xã hội có trách nhiệm kiến tạo điều kiện; mỗi cá nhân có trách nhiệm sử dụng có hiệu quả các quyền, cơ hội và nguồn lực được tạo lập, không ngừng hoàn thiện bản thân và đóng góp cho lợi ích chung.

2.3.6. Từ phát triển đồng đều, bình quân sang tôn trọng sự khác biệt và phát huy tài năng

Phát triển toàn diện không đồng nghĩa với áp đặt một khuôn mẫu con người đồng nhất. Mỗi người có đặc điểm, cá tính, nhu cầu, năng lực, sở trường và lựa chọn chính đáng khác nhau. Chính sách PTCN phải vừa bảo đảm những chuẩn mực giá trị chung, vừa tạo không gian cho sự đa dạng, tự do sáng tạo và phát triển cá nhân.

Cùng với bảo đảm cơ hội phổ quát, cần có cơ chế phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, sử dụng và trọng dụng nhân tài; bảo đảm tài năng được đánh giá bằng năng lực, phẩm chất và sự cống hiến, không bị cản trở bởi định kiến, cơ chế bình quân hoặc các rào cản không chính đáng.

2.3.7. Từ quản lý con người sang kiến tạo phát triển con người

Nhà nước vẫn phải thực hiện chức năng quản lý, giữ gìn trật tự, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương và xử lý vi phạm. Tuy nhiên, quản lý con người không thể trở thành sự can thiệp hành chính quá mức vào quyền tự chủ và sáng tạo của cá nhân.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải kiến tạo thể chế, bảo đảm quyền, mở rộng cơ hội, cung cấp dịch vụ công thiết yếu, khắc phục thất bại của thị trường, điều tiết bất bình đẳng và tạo lập môi trường an toàn để con người phát triển. Nghị quyết số 27-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 09/11/2022) về xây dựng Nhà nước pháp quyền và Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật đều đặt yêu cầu bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và chuyển mạnh tư duy pháp luật sang kiến tạo phát triển (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 30/4/2022).

2.3.8. Từ chính sách riêng lẻ sang xây dựng hệ sinh thái phát triển con người

Không một thiết chế hoặc chính sách đơn lẻ nào có thể tạo ra con người phát triển toàn diện. Gia đình hình thành những giá trị ban đầu; nhà trường cung cấp tri thức và năng lực; Nhà nước bảo đảm thể chế và dịch vụ; thị trường tạo việc làm và động lực; doanh nghiệp tạo môi trường lao động và sáng tạo; cộng đồng hình thành vốn xã hội; văn hóa và truyền thông định hướng giá trị; môi trường tự nhiên bảo đảm điều kiện sống; môi trường số mở rộng không gian hoạt động.

Tư duy hệ sinh thái đòi hỏi chuyển từ phối hợp mang tính hành chính sang liên kết chức năng, chia sẻ trách nhiệm, dữ liệu và nguồn lực giữa các chủ thể; đồng thời thiết lập các cơ chế phản hồi để chính sách được điều chỉnh theo nhu cầu và kết quả phát triển thực tế.

2.3.9. Từ bảo vệ thụ động sang chủ động bảo đảm quyền, an ninh và khả năng chống chịu

PTCN ngày càng chịu tác động của các rủi ro đan xen như dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, thất nghiệp, khủng hoảng kinh tế, tội phạm mạng, xâm phạm dữ liệu, thông tin sai lệch và tác động tiêu cực của trí tuệ nhân tạo.

An ninh con người đòi hỏi các biện pháp lấy con người làm trung tâm, toàn diện, phù hợp với bối cảnh và hướng vào phòng ngừa; kết hợp giữa bảo vệ con người trước các mối đe dọa với trao quyền, nâng cao năng lực tự bảo vệ và phục hồi của cá nhân, cộng đồng (UNDP, 1994). Vì vậy, chính sách không chỉ xử lý hậu quả mà phải nhận diện sớm rủi ro, giảm tính dễ bị tổn thương và xây dựng năng lực thích ứng/chống chịu trong suốt vòng đời.

2.3.10. Từ đánh giá bằng tăng trưởng sang đánh giá bằng sự phát triển thực chất của con người

Tăng trưởng kinh tế là điều kiện quan trọng nhưng không tự động chuyển hóa thành PTCN. Kết quả phát triển phải được đánh giá bằng những thay đổi thực chất về phẩm chất, năng lực, sức khỏe, quyền, cơ hội, mức độ an toàn, chất lượng sống, sự hài lòng, hạnh phúc, khả năng tham gia và cống hiến của con người.

Chỉ số PTCN có ý nghĩa quan trọng vì chuyển trọng tâm đánh giá từ quy mô nền kinh tế sang năng lực và cuộc sống con người. Tuy nhiên, chỉ số PTCN (HDI) chủ yếu phản ánh tuổi thọ, giáo dục và thu nhập; chưa bao quát đầy đủ đạo đức, văn hóa, quyền, an ninh, năng lực số, chất lượng môi trường, quan hệ xã hội và mức độ tham gia. Do đó, cần xây dựng một hệ tiêu chí đa chiều, kết hợp chỉ số khách quan và chủ quan, kết quả bình quân với mức độ phân bố và khoảng cách giữa các nhóm dân cư.

2.4. Các mối quan hệ cốt lõi trong phát triển con người

2.4.1. Mối quan hệ giữa phát triển con người và phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực tập trung chủ yếu vào kiến thức, kỹ năng, năng lực nghề nghiệp và khả năng tham gia hoạt động lao động, sản xuất. PTCN có phạm vi rộng hơn, bao gồm giá trị, phẩm chất, quyền, sức khỏe, văn hóa, đời sống tinh thần, chất lượng sống, quan hệ xã hội và hạnh phúc.

Phát triển nguồn nhân lực là một cấu phần quan trọng của PTCN toàn diện. Nguồn nhân lực có chất lượng chỉ có thể được hình thành bền vững trên nền tảng những con người khỏe mạnh, có đạo đức, tự chủ, sáng tạo và có trách nhiệm xã hội. Ngược lại, việc làm có chất lượng, môi trường lao động an toàn và cơ hội phát triển nghề nghiệp là những điều kiện để con người hiện thực hóa năng lực và sống có phẩm giá.

2.4.2. Mối quan hệ giữa phát triển con người và quyền con người

Quyền con người là nền tảng pháp lý, nội dung và chuẩn mực của PTCN. Quyền xác định những lợi ích, tự do và điều kiện căn bản mà Nhà nước, xã hội và các chủ thể khác phải tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ.

PTCN tạo ra năng lực và điều kiện để các quyền được thực hiện đầy đủ, thực chất. Một quyền chỉ tồn tại trên văn bản sẽ chưa đạt mục tiêu nếu người có quyền thiếu tri thức, nguồn lực, khả năng tiếp cận hoặc cơ chế bảo vệ. Ngược lại, chính sách phát triển không được tôn trọng quyền có thể tạo ra tăng trưởng nhưng làm tổn hại phẩm giá, tự do và sự công bằng.

Mối quan hệ này đòi hỏi kết hợp cách tiếp cận dựa trên quyền với cách tiếp cận dựa trên năng lực: pháp luật xác lập quyền và trách nhiệm; chính sách tạo điều kiện, nguồn lực và năng lực để quyền trở thành khả năng hiện thực.

2.4.3. Mối quan hệ giữa phát triển con người và an ninh con người

An ninh con người là trạng thái và điều kiện trong đó sự sống, sinh kế, phẩm giá, quyền và khả năng phát triển của con người được bảo vệ trước những đe dọa nghiêm trọng, phổ biến và có tính liên ngành.

Không có an toàn về sức khỏe, lương thực, môi trường, việc làm, dữ liệu và đời sống xã hội, con người khó có thể thực hiện quyền và phát huy năng lực. Ngược lại, con người có

tri thức, kỹ năng, sức khỏe, năng lực số và khả năng hợp tác sẽ có sức thích ứng/chống chịu tốt hơn trước khủng hoảng.

PTCN, quyền con người và an ninh con người vì vậy là ba cách tiếp cận bổ sung cho nhau: PTCN mở rộng năng lực và lựa chọn; quyền con người xác lập chuẩn mực pháp lý; an ninh con người bảo vệ những điều kiện căn bản trước rủi ro và đe dọa.

2.4.4. Giữa phát triển con người và phát triển văn hóa

Văn hóa định hướng giá trị, hình thành nhân cách, nuôi dưỡng đời sống tinh thần, tạo nên bản sắc và sức mạnh nội sinh của con người. Con người vừa là chủ thể sáng tạo văn hóa, vừa là sản phẩm của môi trường văn hóa và là mục tiêu của phát triển văn hóa.

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một trong những mục tiêu trung tâm của chiến lược phát triển văn hóa. Trên cơ sở kế thừa và phát triển quan điểm đó, Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam tiếp tục nâng tầm nhận thức về mối quan hệ giữa văn hóa, con người và phát triển đất nước; xác định phát triển văn hóa, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh quan trọng, động lực to lớn, trụ cột và hệ điều tiết cho phát triển nhanh, bền vững đất nước (Bộ Chính trị, 07/01/2026). Nghị quyết đồng thời nhấn mạnh phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới và xây dựng con người để phát triển văn hóa; phát triển toàn diện văn hóa, con người Việt Nam trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 09/6/2014).

Phát triển văn hóa vì vậy không chỉ là bảo tồn di sản, phát triển văn học, nghệ thuật hoặc mở rộng các hoạt động văn hóa, mà trước hết là xây dựng hệ giá trị, môi trường văn hóa và các chuẩn mực xã hội lành mạnh; phát triển nhân cách, bản lĩnh, trí tuệ, đạo đức, tài năng, sức sáng tạo và khát vọng cống hiến của con người. Ngược lại, con người có văn hóa, có năng lực sáng tạo và trách nhiệm xã hội là chủ thể trực tiếp bảo tồn, sáng tạo, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa, đưa văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh và hệ điều tiết của phát triển.

2.4.5. Mối quan hệ giữa phát triển con người và phát triển kinh tế - xã hội

Phát triển kinh tế - xã hội tạo ra nguồn lực, việc làm, thu nhập, dịch vụ công, hạ tầng và cơ hội cho PTCN. Ngược lại, con người có tri thức, sức khỏe, kỹ năng, văn hóa và năng lực sáng tạo là chủ thể quyết định năng suất, chất lượng và tính bền vững của phát triển kinh tế - xã hội.

Mối quan hệ này không diễn ra tự động. Tăng trưởng chỉ chuyển hóa thành PTCN khi thành quả được phân bổ công bằng tương đối, được đầu tư vào giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh, môi trường và mở rộng cơ hội. PTCN cũng chỉ trở thành động lực kinh tế khi năng lực được kết nối với việc làm, thị trường, khoa học - công nghệ và các thiết chế khuyến khích sáng tạo.

2.4.6. Mối quan hệ giữa phát triển cá nhân và phát triển cộng đồng, xã hội

Sự phát triển tự do của cá nhân là một giá trị và động lực của phát triển xã hội. Tuy nhiên, tự do cá nhân phải gắn với trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng, đất nước, quyền của người khác và lợi ích của các thế hệ tương lai.

Đồng thời, cộng đồng và xã hội không được viện dẫn lợi ích chung một cách trừu tượng để phủ nhận phẩm giá, quyền và sự khác biệt chính đáng của cá nhân. Một xã hội phát triển phải tạo điều kiện để mỗi người khẳng định bản thân, đồng thời khuyến khích hợp tác, tương trợ, đoàn kết và đóng góp cho lợi ích chung. Nghị quyết số 43-NQ/TW về đại đoàn kết toàn dân tộc nhấn mạnh sự cần thiết phát huy sức mạnh, quyền làm chủ và khát vọng cống hiến của mọi tầng lớp nhân dân (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 24/11/2023).

2.4.7. Mối quan hệ giữa phát triển con người và phát triển bền vững

PTCN phải gắn với bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên, công bằng xã hội và

trách nhiệm liên thế hệ. Con người vừa là chủ thể tác động đến tự nhiên, vừa phụ thuộc vào chất lượng hệ sinh thái và chịu hậu quả trực tiếp của suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu.

Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc đặt con người, hành tinh, thịnh vượng, hòa bình và quan hệ đối tác trong một chỉnh thể thống nhất; khẳng định yêu cầu không để ai bị bỏ lại phía sau (United Nations, 2015). Điều này đòi hỏi phát triển năng lực và lối sống xanh, tăng cường công bằng môi trường, bảo đảm các nhóm dễ bị tổn thương không phải gánh chịu bất cân xứng những tác động tiêu cực của chuyển đổi và biến đổi khí hậu.

2.5. Phát triển con người trong đổi mới mô hình phát triển Việt Nam

Đổi mới mô hình phát triển Việt Nam là quá trình chuyển từ phát triển dựa nhiều vào khai thác tài nguyên, gia tăng vốn, lao động giản đơn và mở rộng quy mô sang phát triển dựa chủ yếu vào con người, tri thức, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và chất lượng thể chế.

Đại hội XIV xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là những động lực chính của mô hình tăng trưởng mới; đồng thời yêu cầu chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026)[3]. Tuy nhiên, đổi mới mô hình phát triển không chỉ cần nhân lực có kỹ năng, mà còn cần con người có đạo đức, bản lĩnh, văn hóa, năng lực hợp tác, khả năng làm chủ công nghệ và trách nhiệm xã hội.

Trong mô hình phát triển mới, con người thực hiện năm vai trò có quan hệ hữu cơ:

Thứ nhất, con người là chủ thể xây dựng, tổ chức và vận hành mô hình phát triển.

Thứ hai, tri thức, kỹ năng, tài năng và sức sáng tạo của con người là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất.

Thứ ba, khát vọng, ý chí và năng lực đổi mới của con người là động lực trực tiếp của tăng trưởng và chuyển đổi.

Thứ tư, giá trị, đạo đức, pháp luật và văn hóa con người là nền tảng định hướng và hệ điều tiết, bảo đảm phát triển không xa rời mục tiêu nhân văn.

Thứ năm, sự phát triển tự do, toàn diện, an toàn và hạnh phúc của con người là mục tiêu cao nhất và thước đo cuối cùng của mô hình.

PTCN vì vậy phải đi trước một bước trong những phương diện cần chuẩn bị năng lực cho tương lai; đồng hành với quá trình chuyển đổi kinh tế, xã hội và công nghệ; đồng thời dẫn dắt, điều chỉnh mô hình phát triển theo hướng nhân văn, công bằng và bền vững.

Ở chiều ngược lại, thành quả của đổi mới mô hình phát triển phải được chuyển hóa thành quyền, cơ hội, năng lực, việc làm, thu nhập, sức khỏe, giáo dục, văn hóa, an sinh, an toàn và hạnh phúc của Nhân dân. Nếu tăng trưởng không mở rộng các khả năng phát triển thực chất của con người hoặc làm gia tăng bất bình đẳng cơ hội, mục tiêu của đổi mới mô hình phát triển chưa được thực hiện đầy đủ.

PTCN do đó không phải là một ngành hoặc lĩnh vực chính sách riêng biệt. Yêu cầu PTCN phải được tích hợp vào mọi chiến lược, quy hoạch, chương trình, chính sách và dự án phát triển của quốc gia, ngành, lĩnh vực và địa phương; trở thành một tiêu chí bắt buộc trong đánh giá chất lượng thể chế và hiệu quả quản trị.

2.6. Những yêu cầu mới đối với phát triển con người Việt Nam toàn diện

2.6.1. Yêu cầu về bản lĩnh và khát vọng

Kỷ nguyên vươn mình đòi hỏi con người Việt Nam có lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức quốc gia - dân tộc, tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

[3] Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, phần về xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính.

Khát vọng phải được chuyển hóa thành bản lĩnh hành động: dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; có khả năng vượt qua tâm lý tự ti, bảo thủ, thụ động và sức ỳ. Bản lĩnh không phải là sự chủ quan hay bất chấp pháp luật, mà là năng lực hành động sáng tạo trên nền tảng tri thức, liêm chính, trách nhiệm và kỷ luật.

2.6.2. Yêu cầu về đạo đức, văn hóa và pháp quyền

Con người phải có đạo đức, nhân cách, liêm chính, trung thực, nhân ái, nghĩa tình, tinh thần trách nhiệm và văn hóa ứng xử. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đạo đức cá nhân phải gắn với ý thức công dân, văn hóa dân chủ, tôn trọng quyền của người khác và tinh thần thượng tôn Hiến pháp, pháp luật.

Nghị quyết số 66-NQ/TW đặt mục tiêu xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, đưa thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội (Bộ Chính trị, 30/4/2025). Điều này cho thấy PTCN pháp quyền không chỉ là phổ biến tri thức pháp luật mà còn phải hình thành niềm tin pháp luật, thói quen hành động có trách nhiệm và khả năng sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng.

2.6.3. Yêu cầu về trí tuệ và năng lực sáng tạo

Con người trong kỷ nguyên mới phải có tri thức hiện đại, tư duy khoa học, tư duy phản biện, khả năng học tập suốt đời, năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và giải quyết những vấn đề mới, phức tạp, liên ngành.

Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo tiếp tục khẳng định giáo dục có vai trò quyết định đối với tương lai dân tộc, đồng thời đặt ra yêu cầu xây dựng một nền giáo dục hiện đại, công bằng, hội nhập, phát triển phẩm chất và năng lực người học (Bộ Chính trị, 22/8/2025). Giáo dục vì vậy phải chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực tư duy, sáng tạo, tự học và khả năng thích ứng.

2.6.4. Yêu cầu về sức khỏe và khả năng thích ứng

Con người phải có sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần, kỹ năng sống, khả năng cân bằng, năng lực quản trị rủi ro và khả năng phục hồi trước biến động. Sức khỏe phải được nhìn nhận như một trạng thái tổng thể, không chỉ là không có bệnh mà còn bao gồm năng lực sống, lao động, học tập và tham gia xã hội.

Nghị quyết số 72-NQ/TW về tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân đặt yêu cầu chuyển mạnh từ tư duy tập trung chữa bệnh sang chủ động phòng bệnh, nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe trong suốt vòng đời (Bộ Chính trị, 09/9/2025). Đây là cơ sở quan trọng để tích hợp sức khỏe thể chất, tinh thần, dinh dưỡng, môi trường và lối sống trong chiến lược PTCN.

2.6.5. Yêu cầu của chuyển đổi số

Môi trường số phải được nhận thức là một không gian PTCN mới, không chỉ là công cụ kỹ thuật hoặc một bộ phận của nền kinh tế. Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính của phát triển lực lượng sản xuất hiện đại và đổi mới phương thức quản trị quốc gia (Bộ Chính trị, 22/12/2024).

PTCN trong chuyển đổi số phải gắn với sáu yêu cầu.

Một là, phổ cập kiến thức, kỹ năng và khả năng tiếp cận số, coi năng lực số là một năng lực cơ bản của công dân.

Hai là, phát triển năng lực sử dụng, sáng tạo và từng bước làm chủ công nghệ, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, không để con người chỉ trở thành người tiêu dùng thụ động.

Ba là, bảo đảm, bảo vệ quyền con người trong môi trường số, nhất là quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền tiếp cận thông tin, quyền được giải thích và quyền được bảo vệ trước các quyết định tự động có ảnh hưởng đáng kể.

Bốn là, hình thành đạo đức, văn hóa và trách nhiệm số; nâng cao khả năng nhận diện thông tin sai lệch, hành vi thao túng và các hình thức bạo lực trên không gian mạng.

Năm là, bảo vệ con người trước các rủi ro về an ninh mạng, tội phạm công nghệ, lệ thuộc công nghệ, suy giảm tương tác xã hội và tác động đến sức khỏe tinh thần.

Sáu là, thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, nhóm dân cư và thế hệ, bảo đảm mọi người có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng thành quả của chuyển đổi số.

Báo cáo PTCN năm 2025 của UNDP nhấn mạnh tương lai phát triển không phụ thuộc đơn thuần vào những gì trí tuệ nhân tạo có thể thực hiện, mà phụ thuộc vào những lựa chọn của con người và cách công nghệ được định hướng để mở rộng năng lực, tự do và cơ hội của mọi người (UNDP, 2025).

2.6.6. Yêu cầu của chuyển đổi xanh và phát triển bền vững

Con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới phải có tri thức và ý thức sinh thái, lối sống xanh, kỹ năng sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai.

Chuyển đổi xanh không chỉ là thay đổi công nghệ sản xuất mà còn là thay đổi giá trị, hành vi tiêu dùng, phương thức sống và quan hệ giữa con người với tự nhiên. Quá trình này phải bảo đảm công bằng, hỗ trợ người lao động và các cộng đồng chịu tác động, không tạo ra những nhóm bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi.

2.6.7. Yêu cầu về công bằng và bao trùm

Sự vươn mình phải là sự vươn mình của toàn dân tộc và của mỗi người dân. Mọi người phải có cơ hội phát triển, tham gia, đóng góp và thụ hưởng thành quả phát triển; không ai bị bỏ lại phía sau vì hoàn cảnh kinh tế, giới tính, dân tộc, khuyết tật, tuổi tác, địa bàn cư trú hoặc hạn chế về khả năng tiếp cận công nghệ.

Công bằng không chỉ là phân phối lại kết quả mà trước hết là công bằng về phẩm giá, quyền, cơ hội, khả năng tiếp cận dịch vụ và điều kiện phát triển. Chính sách có thể phải áp dụng những biện pháp hỗ trợ khác nhau để các cá nhân có điều kiện khác nhau đạt được khả năng phát triển thực chất tương đối bình đẳng.

2.6.8. Yêu cầu của hội nhập quốc tế

Con người phải có bản lĩnh, lòng tự hào và bản sắc Việt Nam, đồng thời có ngoại ngữ, tri thức quốc tế, năng lực giao tiếp liên văn hóa, hợp tác và cạnh tranh trong môi trường toàn cầu.

Hội nhập không chỉ là mở rộng quan hệ kinh tế mà còn là quá trình tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hóa và đóng góp vào các giá trị, tri thức và chuẩn mực chung của nhân loại. Việc thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới đòi hỏi xây dựng đội ngũ công dân có khả năng tham gia chủ động, tích cực và có trách nhiệm vào các mạng lưới hợp tác quốc tế (Bộ Chính trị, 24/01/2025).

3. Mô hình lý luận về phát triển con người Việt Nam toàn diện trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Trên cơ sở các vấn đề lý luận và tư duy mới nêu trên, cần hình thành mô hình lý luận PTCN Việt Nam toàn diện nhằm kết tinh các quan điểm, mục tiêu, hệ giá trị, nội dung, trụ cột, chủ thể, môi trường, điều kiện và cơ chế phát triển thành một chỉnh thể thống nhất.

Mô hình không phải là sự tập hợp cơ học các yếu tố, mà phải chỉ ra cấu trúc, chức năng, mối quan hệ và cơ chế chuyển hóa giữa các yếu tố: từ nền tảng giá trị và thể chế đến nguồn lực, hoạt động phát triển; từ hoạt động đến kết quả về phẩm chất, năng lực, quyền và an ninh; từ kết quả cá nhân đến tác động đối với cộng đồng, xã hội và đất nước; đồng thời có cơ chế phản hồi, đánh giá và điều chỉnh.

3.1. Quan niệm, vị trí và chức năng của mô hình

3.1.1. Quan niệm về mô hình

Mô hình lý luận PTCN Việt Nam toàn diện là một chỉnh thể lý luận bao gồm triết lý phát triển, mục tiêu, hệ giá trị, hình mẫu con người, nội dung phát triển, các trụ cột, nguyên tắc, chủ thể, hệ sinh thái, cơ chế vận hành, điều kiện bảo đảm và khung tiêu chí đánh giá.

Mô hình phản ánh những mối quan hệ bản chất, có tính quy luật giữa PTCN với quyền con người, an ninh con người, văn hóa, kinh tế, xã hội, thể chế, khoa học - công nghệ và môi trường; qua đó định hướng hoạt động phát triển, bảo vệ và phát huy toàn diện con người Việt Nam.

Về phương diện cấu trúc, mô hình bao gồm:

- *Nền tảng định hướng:* triết lý, mục tiêu, hệ giá trị và nguyên tắc;
- *Đối tượng trung tâm:* con người Việt Nam trong tính đa dạng và trong suốt vòng đời;
- *Nội dung tác động:* các phương diện cần phát triển, bảo vệ và phát huy;
- *Chủ thể và môi trường:* các lực lượng tham gia và hệ sinh thái phát triển;
- *Cơ chế chuyển hóa:* phương thức phối hợp, phân bổ nguồn lực, cung cấp dịch vụ, trao quyền và phát huy sự tham gia;
- *Kết quả và tác động:* những thay đổi về phẩm chất, năng lực, quyền, an ninh, chất lượng sống và cống hiến;
- *Cơ chế phản hồi:* theo dõi, đánh giá, học tập chính sách và điều chỉnh mô hình.

3.1.2. Vị trí của mô hình

Mô hình PTCN là cấu phần nền tảng, trung tâm và xuyên suốt của mô hình phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Mô hình kinh tế, mô hình quản trị quốc gia, mô hình phát triển văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường đều phải hướng tới và chịu sự định hướng của mục tiêu PTCN.

Mô hình đồng thời là cầu nối giữa lý luận và chiến lược. Những quan niệm lý luận được chuyển hóa thông qua mô hình thành quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp; ngược lại, kết quả thực hiện chiến lược cung cấp dữ liệu và kinh nghiệm thực tiễn để kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển mô hình.

Vì vậy, mô hình không thay thế Chiến lược PTCN Việt Nam toàn diện. Mô hình trả lời câu hỏi *PTCN Việt Nam toàn diện dựa trên triết lý, cấu trúc và cơ chế nào*; còn Chiến lược xác định *trong từng giai đoạn phải đạt mục tiêu gì, thực hiện nhiệm vụ nào, bằng nguồn lực và lộ trình nào*.

3.1.3. Chức năng của mô hình

Mô hình có sáu chức năng chủ yếu.

Thứ nhất, chức năng nhận thức, cung cấp một khung lý luận thống nhất để nhận diện bản chất, nội dung và các mối quan hệ của PTCN.

Thứ hai, chức năng định hướng, xác định mục tiêu, hệ giá trị, đặc trưng và các đặc điểm của con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Thứ ba, chức năng tích hợp, kết nối các chính sách giáo dục, y tế, văn hóa, việc làm, an sinh, quyền con người, khoa học - công nghệ và môi trường trong một chỉnh thể lấy con người làm trung tâm.

Thứ tư, chức năng tổ chức, xác lập vị trí, vai trò, trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa Đảng, Nhà nước, thị trường, doanh nghiệp, gia đình, nhà trường, cộng đồng, tổ chức xã hội và mỗi cá nhân.

Thứ năm, chức năng phân bổ và điều tiết, định hướng việc xây dựng thể chế, lựa chọn ưu tiên và phân bổ nguồn lực theo nhu cầu và kết quả PTCN.

Thứ sáu, chức năng đánh giá và học tập, làm cơ sở xây dựng hệ tiêu chí, theo dõi kết quả, nhận diện khoảng cách, phát hiện rủi ro và điều chỉnh chính sách.

3.2. Triết lý, mục tiêu và hệ giá trị của mô hình

3.2.1. Triết lý phát triển

Triết lý xuyên suốt của mô hình là: *PTCN, vì con người, do con người và bằng sức mạnh của con người; bảo đảm mỗi người được phát triển tự do, toàn diện, an toàn, hạnh phúc và có khả năng cống hiến tốt nhất cho gia đình, cộng đồng, đất nước và nhân loại.*

Triết lý này bao hàm bốn nội dung.

"PTCN" xác định đối tượng và nội dung trung tâm của mô hình. "Vì con người" xác định mục tiêu cuối cùng. "Do con người" khẳng định vai trò chủ thể, quyền tham gia và làm chủ của Nhân dân. "Bằng sức mạnh của con người" nhấn mạnh việc phát hiện, giải phóng và phát huy nguồn lực, động lực, tài năng và sức sáng tạo nội sinh.

Triết lý đó đồng thời đòi hỏi phát triển phải tôn trọng phẩm giá, quyền và sự khác biệt; kết hợp lợi ích cá nhân với lợi ích cộng đồng; gắn sự tiến bộ của thế hệ hiện tại với trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai.

3.2.2. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát của mô hình là PTCN Việt Nam toàn diện về giá trị, phẩm chất, trí tuệ, sức khỏe, văn hóa, kỹ năng và năng lực sáng tạo; có bản lĩnh, ý thức quốc gia - dân tộc, trách nhiệm công dân, năng lực số, khả năng thích ứng, hội nhập và khát vọng cống hiến; được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền, cơ hội, an ninh, chất lượng sống và hạnh phúc.

Mục tiêu tổng quát được cụ thể hóa trên bốn cấp độ:

- Ở cấp độ cá nhân: mỗi người có phẩm giá, sức khỏe, năng lực tự chủ, khả năng lựa chọn và phát triển;
- Ở cấp độ gia đình, cộng đồng: hình thành các quan hệ nhân văn, trách nhiệm, hợp tác và tương trợ;
- Ở cấp độ xã hội: bảo đảm công bằng, bao trùm, niềm tin, gắn kết và an toàn;
- Ở cấp độ quốc gia: chuyển hóa tiềm năng con người thành sức mạnh nội sinh, năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

Nghị quyết Đại hội XIV đặt mục tiêu đến năm 2030 chỉ số HDI đạt khoảng 0,8, tuổi thọ trung bình khoảng 75,5 tuổi, thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu 68 năm và Việt Nam thuộc nhóm 40 quốc gia có chỉ số hạnh phúc cao nhất (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026)[4]. Các chỉ tiêu này là những thành tố quan trọng nhưng cần được đặt trong hệ mục tiêu rộng hơn về phẩm chất, quyền, cơ hội, an ninh và khả năng cống hiến.

3.2.3. Hệ giá trị nền tảng

Mô hình được định hướng bởi năm nhóm giá trị có quan hệ bổ sung cho nhau.

Thứ nhất, nhóm giá trị quốc gia - dân tộc gồm yêu nước, độc lập, tự chủ, tự cường, đoàn kết và khát vọng phát triển.

Thứ hai, nhóm giá trị đạo đức - nhân văn gồm nhân ái, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, liêm chính, khoan dung và tôn trọng phẩm giá con người.

Thứ ba, nhóm giá trị chính trị - pháp lý gồm dân chủ, tự do, bình đẳng, công lý, công bằng, trách nhiệm giải trình và thượng tôn Hiến pháp, pháp luật.

Thứ tư, nhóm giá trị phát triển gồm tri thức, lao động, sáng tạo, chuyên nghiệp, hiệu quả, hợp tác, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm.

Thứ năm, nhóm giá trị văn hóa - thời đại gồm bản sắc dân tộc, tôn trọng sự đa dạng, hội nhập quốc tế, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số nhân văn và phát triển bền vững.

Hệ giá trị không chỉ là những tuyên bố định hướng mà phải được chuyển hóa thành chuẩn mực giáo dục, tiêu chí đánh giá, hành vi xã hội, yêu cầu của vị trí việc làm, văn hóa tổ chức và nội dung của pháp luật, chính sách.

3.3. Những đặc trưng cốt lõi của con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới được định hướng phát triển trong sự thống nhất giữa bốn phương diện: giá trị và lý tưởng; phẩm chất và nhân cách; năng lực và sức sáng tạo; hành động và cống hiến.

3.3.1. Giá trị và lý tưởng

Con người Việt Nam có lòng yêu nước, ý thức quốc gia - dân tộc, niềm tin, lý tưởng,

[4] Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các chỉ tiêu phát triển chủ yếu giai đoạn 2026-2030.

tinh thần độc lập, tự chủ và khát vọng phát triển. Ý thức dân tộc phải thống nhất với tinh thần nhân văn, hòa bình, hợp tác và trách nhiệm đối với cộng đồng quốc tế.

Giá trị và lý tưởng tạo ra định hướng bên trong, giúp con người xác định mục đích sống, lựa chọn hành vi và duy trì động lực trước khó khăn. Tuy nhiên, lý tưởng chỉ có ý nghĩa khi được chuyển hóa thành phẩm chất và hành động thực tiễn.

3.3.2. Phẩm chất và nhân cách

Con người Việt Nam có đạo đức, bản lĩnh, nhân ái, trung thực, trách nhiệm, liêm chính, kỷ luật, văn hóa ứng xử và tinh thần thượng tôn pháp luật.

Nhân cách được hình thành trong quá trình tương tác giữa giáo dục, môi trường gia đình, điều kiện xã hội, trải nghiệm cá nhân và sự tự rèn luyện. Vì vậy, không thể xây dựng nhân cách chỉ bằng tuyên truyền; cần đồng thời kiến tạo môi trường thể chế, văn hóa và xã hội trong đó hành vi tốt được khuyến khích, bảo vệ và ghi nhận, còn hành vi sai lệch bị ngăn ngừa và xử lý công bằng.

3.3.3. Năng lực và sức sáng tạo

Con người Việt Nam có trí tuệ, sức khỏe, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống, năng lực số, khả năng phản biện, sáng tạo, thích ứng, hợp tác và hội nhập.

Năng lực không chỉ là việc sở hữu kiến thức hoặc kỹ năng riêng lẻ mà là khả năng huy động tổng hợp kiến thức, giá trị, kinh nghiệm và nguồn lực để giải quyết vấn đề trong những bối cảnh khác nhau. Trong môi trường biến đổi nhanh, năng lực học tập suốt đời và khả năng tự đổi mới trở thành những năng lực nền tảng.

3.3.4. Hành động và cống hiến

Con người Việt Nam có khả năng chuyển hóa giá trị, phẩm chất và năng lực thành lao động, sáng tạo, phụng sự và đóng góp cụ thể cho gia đình, cộng đồng và đất nước.

Hành động và cống hiến là khâu kiểm nghiệm thực chất của PTCN. Một mô hình không thể chỉ đo những gì con người biết hoặc tuyên bố, mà phải đánh giá khả năng sử dụng tri thức, thực hiện trách nhiệm, tạo ra giá trị và đóng góp vào giải quyết các vấn đề chung.

3.4. Các nội dung phát triển con người Việt Nam toàn diện

3.4.1. Phát triển giá trị, đạo đức và nhân cách

Nội dung này tập trung hình thành lý tưởng sống, lòng yêu nước, bản lĩnh, trách nhiệm, trung thực, liêm chính, nhân ái, ý thức phụng sự, tinh thần hợp tác và khát vọng vươn lên.

Phát triển đạo đức phải được thực hiện thông qua sự kết hợp giữa giáo dục, nêu gương, môi trường văn hóa, pháp luật, kỷ luật, cơ chế khuyến khích và sự tự rèn luyện. Cần khắc phục tình trạng tách rời giáo dục giá trị với đời sống thực tiễn hoặc chỉ đánh giá đạo đức bằng những biểu hiện hình thức.

3.4.2. Phát triển trí tuệ và năng lực sáng tạo

Phát triển tri thức nền tảng, tư duy khoa học, tư duy phản biện, năng lực học tập suốt đời, nghiên cứu, sáng tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề.

Cần chuyển trọng tâm từ ghi nhớ thông tin sang năng lực kiến tạo tri thức; từ tiếp nhận sang đặt câu hỏi; từ làm theo quy trình có sẵn sang khả năng phát hiện phương án mới. Đặc biệt, phải xây dựng môi trường tôn trọng tự do học thuật, chấp nhận thử nghiệm và bảo vệ những sáng kiến có trách nhiệm.

3.4.3. Phát triển thể chất và sức khỏe tinh thần

Nâng cao thể lực, tầm vóc, chất lượng dân số, dinh dưỡng, tuổi thọ khỏe mạnh, sức khỏe tinh thần và khả năng cân bằng cuộc sống.

Nội dung này phải được thực hiện trong suốt vòng đời, từ chăm sóc trước sinh, phát triển trẻ em, sức khỏe học đường, sức khỏe nghề nghiệp đến chăm sóc người cao tuổi. Sức khỏe tinh thần cần được thừa nhận là bộ phận không thể tách rời của sức khỏe con người, được cung cấp dịch vụ phù hợp và không bị kỳ thị.

3.4.4. Phát triển kỹ năng và năng lực hành động

Phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống, giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện, giải quyết xung đột, quản trị thời gian, quản trị rủi ro và khả năng chuyển hóa tri thức thành hành động.

Kỹ năng phải được hình thành chủ yếu thông qua thực hành, trải nghiệm, giải quyết tình huống và tương tác xã hội. Hệ thống giáo dục, đào tạo và doanh nghiệp cần liên kết để bảo đảm kỹ năng được cập nhật theo sự thay đổi của nghề nghiệp, thị trường lao động và công nghệ.

3.4.5. Phát triển văn hóa và đời sống tinh thần

Bồi dưỡng bản sắc văn hóa, năng lực thẩm mỹ, đời sống tâm hồn, niềm tin, lý tưởng, khả năng sáng tạo và thụ hưởng văn hóa.

Mỗi người phải có điều kiện tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ và không gian văn hóa có chất lượng; được tham gia sáng tạo văn hóa; có năng lực chọn lọc, đánh giá và ứng xử trước sự đa dạng của các dòng thông tin, sản phẩm và lối sống. Văn hóa phải trở thành sức mạnh nội sinh, góp phần điều tiết thị trường, công nghệ và các quan hệ xã hội.

3.4.6. Phát triển ý thức công dân và năng lực xã hội

Phát triển ý thức pháp luật, văn hóa dân chủ, trách nhiệm cộng đồng, khả năng hợp tác, đối thoại, tham gia quản lý nhà nước, quản trị xã hội và giải quyết các vấn đề chung.

Công dân không chỉ cần biết quyền và nghĩa vụ mà còn phải có năng lực sử dụng quyền đúng pháp luật, tiếp cận thông tin, phản biện chính sách, tham gia các hoạt động cộng đồng và tôn trọng sự khác biệt. Năng lực xã hội còn bao gồm khả năng xây dựng niềm tin, hợp tác và hình thành các mạng lưới tương trợ.

3.4.7. Phát triển năng lực số và năng lực làm chủ công nghệ

Phát triển kiến thức, kỹ năng, đạo đức, văn hóa và trách nhiệm số; năng lực sử dụng, sáng tạo, đánh giá và từng bước làm chủ công nghệ, dữ liệu, thuật toán và trí tuệ nhân tạo.

Năng lực số phải được phân tầng phù hợp: năng lực tiếp cận và sử dụng an toàn đối với mọi công dân; năng lực ứng dụng trong học tập, lao động và quản trị; năng lực sáng tạo công nghệ đối với đội ngũ chuyên môn; năng lực hoạch định và kiểm soát tác động công nghệ đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý.

3.5. Các trụ cột và nguyên tắc của mô hình

3.5.1. Ba trụ cột của mô hình

Mô hình được xây dựng trên ba trụ cột có quan hệ hữu cơ:

Thứ nhất, PTCN. Đây là quá trình mở rộng và nâng cao giá trị, phẩm chất, năng lực, tự do, cơ hội, chất lượng sống và khả năng cống hiến.

Thứ hai, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người. Quyền con người là nền tảng, nội dung, giới hạn pháp lý và chuẩn mực đánh giá phát triển. Mọi chính sách phải tôn trọng phẩm giá, không phân biệt đối xử, bảo đảm sự tham gia, trách nhiệm giải trình và khả năng tiếp cận cơ chế bảo vệ quyền.

Thứ ba, bảo đảm an ninh con người. An ninh con người là điều kiện để con người sống, thực hiện quyền và phát triển năng lực trong trạng thái được bảo vệ trước các mối đe dọa đối với sự sống, sinh kế, phẩm giá và tương lai.

Ba trụ cột không tồn tại tách biệt. Phát triển mà không bảo đảm, bảo vệ quyền có thể làm tổn hại tự do và phẩm giá; quyền thiếu năng lực và điều kiện bảo đảm có thể mang tính hình thức; năng lực phát triển và quyền khó được thực hiện nếu con người thường xuyên ở trong tình trạng bất an. Vì vậy, mô hình phải đồng thời phát triển, trao quyền, bảo đảm, bảo vệ và nâng cao khả năng thích ứng/chống chịu của con người.

3.5.2. Các nguyên tắc của mô hình

Mô hình được xây dựng và vận hành theo các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, lấy con người làm trung tâm, chủ thể và mục tiêu; mọi quyết định phát triển phải được đánh giá từ tác động đối với con người.

Thứ hai, phát triển toàn diện và hài hòa giữa các phương diện, đồng thời tôn trọng tính đa dạng của cá nhân.

Thứ ba, bảo đảm công bằng, bao trùm và không để ai bị bỏ lại phía sau; ưu tiên khắc phục những bất lợi có tính cơ cấu.

Thứ tư, tôn trọng phẩm giá, quyền, tự do và sự khác biệt chính đáng của mỗi người.

Thứ năm, kết hợp quyền, lợi ích với nghĩa vụ, trách nhiệm; kết hợp phát triển cá nhân với lợi ích cộng đồng, quốc gia - dân tộc.

Thứ sáu, phát triển trong suốt vòng đời; chính sách phải phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng giai đoạn sống.

Thứ bảy, kết hợp giá trị dân tộc với giá trị hiện đại, tiến bộ và phổ quát của nhân loại.

Thứ tám, phát triển đồng thời trong môi trường thực và môi trường số; bảo đảm tính liên thông nhưng không để công nghệ thay thế quyền tự chủ của con người.

Thứ chín, chủ động phòng ngừa rủi ro, bảo vệ và nâng cao khả năng thích ứng/chống chịu.

Thứ mười, bảo đảm phát triển bền vững, công bằng giữa các thế hệ và trách nhiệm đối với tự nhiên.

3.6. Hệ sinh thái, chủ thể và cơ chế vận hành mô hình

3.6.1. Hệ sinh thái phát triển con người

Hệ sinh thái PTCN là tổng thể các chủ thể, thiết chế, quan hệ, nguồn lực và môi trường có tác động qua lại trong quá trình nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ, phát triển và phát huy con người.

Hệ sinh thái bao gồm:

- Gia đình;
- Nhà trường và hệ thống giáo dục;
- Đảng, Nhà nước và hệ thống pháp luật;
- Nền kinh tế, thị trường và doanh nghiệp;
- Cộng đồng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội;
- Môi trường văn hóa, thông tin và truyền thông;
- Hệ thống y tế, an sinh và các dịch vụ xã hội;
- Môi trường tự nhiên;
- Môi trường khoa học, công nghệ và không gian số.

Các yếu tố này không chỉ cùng tồn tại mà phải được liên kết về mục tiêu, trách nhiệm, dữ liệu, nguồn lực và cơ chế phối hợp. Sự đứt gãy giữa gia đình và nhà trường, giữa giáo dục và thị trường lao động, giữa chính sách xã hội với nhu cầu cá nhân hoặc giữa chuyển đổi số với bảo vệ quyền có thể làm suy giảm hiệu quả của toàn bộ hệ sinh thái.

3.6.2. Các chủ thể của mô hình

Đảng lãnh đạo, định hướng chiến lược, xây dựng hệ giá trị, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và toàn xã hội trong PTCN.

Nhà nước kiến tạo thể chế, công nhận, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền; cung cấp hoặc bảo đảm cung cấp các dịch vụ thiết yếu; điều tiết bất bình đẳng; bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương; tạo lập hạ tầng và môi trường phát triển.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thực hiện giám sát, phản biện xã hội và thúc đẩy sự tham gia của người dân. Vai trò này được tiếp tục khẳng định trong Hiến pháp hiện hành sau sửa đổi năm 2025 (Quốc hội, 2013).

Thị trường và doanh nghiệp tạo việc làm, thu nhập, động lực cạnh tranh, môi trường lao động, cơ hội học tập, đổi mới và sáng tạo. Doanh nghiệp đồng thời phải bảo đảm quyền của người lao động, phát triển kỹ năng, văn hóa kinh doanh, trách nhiệm xã hội và đạo đức công nghệ. Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân khẳng định vai trò của doanh nghiệp, doanh nhân trong huy động nguồn lực, đổi mới sáng tạo và phát triển đất nước (Bộ Chính trị, 04/5/2025).

Cộng đồng và các tổ chức xã hội tạo ra mạng lưới liên kết, hỗ trợ, tương trợ, giám sát và không gian tham gia; bổ sung những dịch vụ, nguồn lực mà Nhà nước và thị trường chưa đáp ứng đầy đủ.

Nhà trường tổ chức quá trình giáo dục có hệ thống, phát triển tri thức, phẩm chất, kỹ năng, tư duy và năng lực sáng tạo.

Gia đình là môi trường đầu tiên nuôi dưỡng, hình thành tình cảm, giá trị, nhân cách, thói quen và năng lực sống của con người.

Mỗi cá nhân là chủ thể trực tiếp của quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện, tự bảo vệ, tự phát triển và cống hiến. Không thể PTCN toàn diện nếu con người bị đặt ở vị trí thụ động hoặc bị thay thế bởi các quyết định mang tính áp đặt.

3.6.3. Cơ chế vận hành mô hình

Mô hình được vận hành theo cơ chế khái quát: *Đảng lãnh đạo - Nhà nước kiến tạo và bảo đảm - thị trường tạo cơ hội - doanh nghiệp tổ chức sáng tạo và việc làm - xã hội đồng hành và giám sát - gia đình và nhà trường nuôi dưỡng, giáo dục - mỗi người làm chủ, tự phát triển và cống hiến.*

Cơ chế này phải bảo đảm năm yêu cầu.

Một là, phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền và nghĩa vụ giải trình của từng chủ thể; khắc phục tình trạng vừa chồng chéo, vừa bỏ trống trách nhiệm.

Hai là, phối hợp liên ngành, liên lĩnh vực, liên cấp và liên vùng, bởi các vấn đề PTCN thường có tính đa chiều và không thể được giải quyết trong phạm vi một cơ quan.

Ba là, kết hợp nguồn lực nhà nước, thị trường, doanh nghiệp, cộng đồng, gia đình và cá nhân; đồng thời bảo đảm Nhà nước giữ trách nhiệm đối với những dịch vụ nền tảng và nhóm dễ bị tổn thương.

Bốn là, bảo đảm sự tham gia có ý nghĩa của người dân trong thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá chính sách; thiết lập cơ chế tiếp nhận, phản hồi và xử lý kiến nghị.

Năm là, quản trị PTCN dựa trên dữ liệu, bằng chứng và kết quả thực chất; kết nối dữ liệu nhưng phải bảo đảm quyền riêng tư, an toàn thông tin và không phân biệt đối xử.

Về lôgic vận hành, mô hình phải hình thành một chu trình liên tục: nhận diện nhu cầu và rủi ro; hoạch định mục tiêu; phân bổ nguồn lực; tổ chức thực hiện; theo dõi kết quả; đánh giá tác động; tiếp nhận phản hồi; điều chỉnh chính sách. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV đã đặt ra nhiều nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến giáo dục, nhân lực số, chăm sóc sức khỏe, chính sách xã hội, khoa học - công nghệ và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở chính trị cho việc liên kết các lĩnh vực này trong một chiến lược PTCN thống nhất (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2026).

3.7. Khung điều kiện bảo đảm và tiêu chí đánh giá mô hình

3.7.1. Khung điều kiện bảo đảm

Việc vận hành mô hình đòi hỏi chín nhóm điều kiện cơ bản.

Thứ nhất, thể chế, pháp luật và chính sách lấy con người làm trung tâm; bảo đảm, bảo vệ quyền, tự do, trách nhiệm, sự tham gia và khả năng tiếp cận công lý.

Thứ hai, nền giáo dục hiện đại, công bằng, mở, liên thông và hệ thống học tập suốt đời có khả năng phát triển phẩm chất, năng lực và tài năng.

Thứ ba, hệ thống y tế, văn hóa, thể thao, an sinh và các dịch vụ xã hội có chất lượng, dễ tiếp cận, lấy phòng ngừa và nhu cầu con người làm định hướng.

Thứ tư, nền kinh tế có năng suất cao, tạo việc làm bền vững, thu nhập thỏa đáng, môi trường lao động an toàn và cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Thứ năm, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu và hạ tầng số được định hướng phục vụ con người, mở rộng năng lực và thu hẹp khoảng cách phát triển.

Thứ sáu, môi trường chính trị - xã hội dân chủ, kỷ cương, an toàn, nhân văn, có niềm tin, sự gắn kết và tinh thần hợp tác.

Thứ bảy, môi trường tự nhiên trong lành, hệ sinh thái được bảo vệ, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển đổi xanh công bằng.

Thứ tám, nguồn lực tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất và dữ liệu PTCN được huy động, phân bổ công bằng, sử dụng hiệu quả và kiểm soát minh bạch.

Thứ chín, năng lực quản trị, phối hợp, dự báo, giám sát, đánh giá và tổ chức thực hiện; đội ngũ cán bộ có tư duy PTCN, năng lực liên ngành và trách nhiệm giải trình.

Các nhiệm vụ, giải pháp, đột phá, nguồn lực và lộ trình cụ thể cần được xác định trong các phần tiếp theo của Chiến lược trên cơ sở phân tích thực trạng, dự báo bối cảnh và lựa chọn thứ tự ưu tiên.

3.7.2. Bộ tiêu chí đánh giá

Kết quả PTCN cần được đánh giá trên mười phương diện:

1) Giá trị, đạo đức, phẩm chất và trách nhiệm;

2) Trí tuệ, trình độ học vấn, kỹ năng và năng lực sáng tạo;

3) Sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần và tuổi thọ khỏe mạnh;

4) Mức độ công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người và khả năng thực hiện quyền;

5) Cơ hội, khả năng lựa chọn, tham gia và làm chủ;

6) An ninh con người, mức độ an toàn, tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu;

7) Văn hóa, chất lượng sống, sự hài lòng, niềm tin và hạnh phúc;

8) Công bằng, bao trùm, bình đẳng cơ hội và mức độ thu hẹp khoảng cách phát triển;

9) Năng lực số, khả năng thích ứng, hợp tác và hội nhập quốc tế;

10) Khả năng lao động, sáng tạo, phụng sự, cống hiến và tính bền vững của kết quả phát triển.

Hệ tiêu chí phải kết hợp:

- Tiêu chí định lượng với đánh giá định tính;
- Chỉ số khách quan với cảm nhận chủ quan;
- Kết quả bình quân với mức độ phân bổ giữa các nhóm;
- Kết quả trước mắt với tác động lâu dài;
- Đánh giá của cơ quan nhà nước với đánh giá của người dân, doanh nghiệp, chuyên gia và tổ chức xã hội;
- Dữ liệu hành chính với điều tra xã hội học và các nguồn dữ liệu độc lập.

Cần tránh đồng nhất kết quả PTCN với số lượng chương trình, mức chi ngân sách hoặc số người được tiếp cận dịch vụ. Các yếu tố này chủ yếu phản ánh đầu vào và hoạt động. Đánh giá cuối cùng phải xác định liệu con người có thực sự khỏe mạnh hơn, có năng lực hơn, được bảo đảm quyền tốt hơn, an toàn hơn, có nhiều cơ hội lựa chọn hơn và đóng góp hiệu quả hơn hay không.

3.8. Khái quát cấu trúc cốt lõi của mô hình

Mô hình lý luận PTCN Việt Nam toàn diện trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc có thể được khái quát như sau:

Một trung tâm: con người Việt Nam trong tính đa dạng, trong các quan hệ xã hội và trong suốt vòng đời;

Ba trụ cột: PTCN; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người và bảo đảm an ninh con người;

Hai yêu cầu xuyên suốt: toàn diện và bao trùm;

Bốn phương diện cốt lõi: giá trị và lý tưởng; phẩm chất và nhân cách; năng lực và sức sáng tạo; hành động và cống hiến;

Bảy nội dung phát triển: giá trị, đạo đức và nhân cách; trí tuệ và sáng tạo; thể chất và sức khỏe tinh thần; kỹ năng và năng lực hành động; văn hóa và đời sống tinh thần; ý thức công dân và năng lực xã hội; năng lực số và làm chủ công nghệ;

Một hệ sinh thái: gia đình, nhà trường, Đảng, Nhà nước, thị trường, doanh nghiệp, cộng đồng, tổ chức xã hội, môi trường văn hóa, y tế, tự nhiên, khoa học - công nghệ và không gian số;

Một cơ chế vận hành: Đảng lãnh đạo; Nhà nước kiến tạo, bảo đảm; thị trường tạo cơ hội; doanh nghiệp tổ chức việc làm và sáng tạo; xã hội đồng hành, giám sát; gia đình, nhà trường nuôi dưỡng, giáo dục; mỗi người làm chủ, tự phát triển và cống hiến;

Một khung điều kiện và tiêu chí: thể chế, nguồn lực, giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh, kinh tế, khoa học - công nghệ, môi trường, dữ liệu, quản trị và đánh giá kết quả thực chất.

Có thể biểu đạt khái quát: *mô hình lý luận PTCN Việt Nam toàn diện là mô hình phát triển, bảo vệ và phát huy đồng bộ giá trị, phẩm chất, năng lực, sức khỏe, văn hóa, quyền, sự an toàn và khả năng cống hiến của con người; được vận hành trong một hệ sinh thái toàn diện, bao trùm, nhân văn, sáng tạo, số, xanh và bền vững.*

Điểm cốt lõi của mô hình không chỉ nằm ở số lượng các cấu phần mà ở lôgic liên kết giữa chúng: hệ giá trị định hướng mục tiêu; quyền con người xác lập chuẩn mực và giới hạn; an ninh con người bảo đảm điều kiện; thể chế và hệ sinh thái cung cấp nguồn lực, cơ hội; mỗi cá nhân chuyển hóa những điều kiện đó thành năng lực, hành động và cống hiến; kết quả được theo dõi, đánh giá và phản hồi để tiếp tục hoàn thiện chính sách.

4. Kết luận

PTCN Việt Nam toàn diện trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc phải được nhận thức như một quá trình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, pháp lý và công nghệ có tính tổng thể, lâu dài và xuyên suốt. Quá trình đó không chỉ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hoặc cải thiện một số chỉ số xã hội, mà hướng tới phát triển và phát huy con người trong tính chỉnh thể về giá trị, phẩm chất, trí tuệ, sức khỏe, văn hóa, kỹ năng, quyền, sự an toàn và khả năng cống hiến.

Tư duy PTCN cần chuyển mạnh từ chăm lo sang kiến tạo năng lực; từ con người thụ hưởng sang con người làm chủ; từ quản lý con người sang quản trị PTCN; từ chính sách đơn lẻ sang hệ sinh thái; từ đánh giá bằng tăng trưởng và đầu vào sang đánh giá bằng kết quả phát triển thực chất. Con người phải được đặt đồng thời ở vị trí trung tâm, chủ thể, mục tiêu, nguồn lực, động lực và chủ thể định hướng, điều tiết phát triển.

Mô hình lý luận được đề xuất trong bài viết thống nhất ba trụ cột PTCN, quyền con người và an ninh con người; liên kết hệ giá trị, nội dung phát triển, chủ thể, môi trường, nguồn lực, cơ chế vận hành và tiêu chí đánh giá. Mô hình là cơ sở lý luận để tiếp tục nghiên cứu, xác định quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, đột phá, nguồn lực, lộ trình và cơ chế tổ chức thực hiện Chiến lược PTCN Việt Nam toàn diện.

Hiệu quả của Chiến lược cuối cùng không chỉ được đo bằng những văn bản, chương trình hoặc nguồn lực đã ban hành và huy động, mà bằng sự thay đổi thực chất trong cuộc sống của mỗi người Việt Nam: có phẩm giá hơn, khỏe mạnh hơn, có tri thức và năng lực hơn, được bảo đảm quyền và an toàn tốt hơn, có nhiều cơ hội lựa chọn hơn, sống hạnh phúc hơn và có khả năng đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển phồn vinh, văn minh và bền vững của đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Amartya Sen. (1999). *Development as Freedom*. Oxford: Oxford University Press.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (09/6/2014). *Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (09/11/2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.

4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (24/11/2023). *Nghị quyết số 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới*.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (24/11/2023). *Nghị quyết số 43-NQ/TW về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.*
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2026). *Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, các nhiệm vụ về giáo dục và đào tạo, phát triển nhân lực số, khoa học - công nghệ, chăm sóc sức khỏe, chính sách xã hội và xây dựng...
7. Bộ Chính trị. (22/12/2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
8. Bộ Chính trị. (24/01/2025). *Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới*.
9. Bộ Chính trị. (30/4/2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, nội dung về nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật…
10. Bộ Chính trị. (04/5/2025). *Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân*.
11. Bộ Chính trị. (22/8/2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
12. Bộ Chính trị. (09/9/2025). *Nghị quyết số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dâ*n.
13. Bộ Chính trị. (07/01/2026). *Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam*.
14. C. Mác và Ph. Ăngghen. (1995). "Luận cương về Phoi-ơ-bắc", trong *C. Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập*, tập 3. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
15. C. Mác và Ph. Ăngghen. (1995). "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", trong *C. Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập*, tập 4. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các chỉ tiêu phát triển chủ yếu giai đoạn 2026-2030.*
18. Hồ Chí Minh. (2011). "Di chúc", trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 15. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
19. Martha C. Nussbaum. (2011). *Creating Capabilities: The Human Development Approach*. Cambridge, MA - London, The Belknap Press of Harvard University Press.
20. Quốc hội. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025, Văn bản hợp nhất số 52/VBHN-VPQH ngày 21/7/2025.
21. UNDP. (1990). *Human Development Report 1990: Concept and Measurement of Human Development*. New York: Oxford University Press.
22. UNDP. (1994). *Human Development Report 1994: New Dimensions of Human Security*. Oxford University Press, New York, pp. 22-40; United Nations General Assembly, Resolution 66/290, Follow-up to Paragraph 143 on Human Security of.
23. UNDP. (2025). *Human Development Report 2025: A Matter of Choice - People and Possibilities in the Age of AI*. United Nations Development Programme, New York, Overview and Introduction.
24. United Nations. (2015). General Assembly, Resolution 70/1, Transforming Our World: *The 2030 Agenda for Sustainable Development*, adopted on 25 September 2015, A/RES/70/1, Preamble and para. 4.
25. United Nations. (1948). *Universal Declaration of Human Rights*, adopted by United Nations General Assembly Resolution 217 A (III) on 10 December 1948, Article 1.